

Số 300-QĐ/HNDT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi
6 tháng đầu năm 2021
Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Đồng Nai

BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Văn bản số 1401/UBND-KTNS ngày 05/02/2021 về việc ủy thác vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh, cấp bổ sung vốn cho các Quỹ Tài chính Nhà nước ngoài ngân sách;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Đồng Nai (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ban, Văn phòng Hội Nông dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh (báo cáo);
- Thường trực HND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh



Đơn vị: Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Đồng Nai

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Đính kèm Quyết định số 300 -QĐ/HNDT ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.309,049	609,845	46,59%
1	Số thu phí	1.309,049	609,845	
-	Nguồn ủy thác Trung ương Hội	142,875	71,25	
-	Nguồn vốn tỉnh hội	17,820	9,900	
-	Nguồn NS tỉnh	1135,154	517,44	
-	Nguồn vốn bổ sung KQHĐ	13,200	6,600	
-	Thu lãi ngân hàng		4,655	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.218,738	20,877	1,71%
1	Chi phí quản lý	779,311	20,877	
-	Chi lương, BHXH, BHYT cho HĐLĐ			
-	Chi phụ cấp cho cán bộ phân công phụ trách	205,332		
-	Chi công tác phí cho CB,CC, người lao động đi thăm định, giao vốn....		5,250	
-	Chi Thuê xe thăm định và giao vốn	94,095	4,650	
-	Chi tiền xăng, phí sử dụng đường bộ thăm định và giao vốn		10,592	
-	Chi mua vật tư, thiết bị VP, VPP, In ấn tài liệu của Quỹ, sách báo, chi phí giao dịch TT với NH...	56,457	0,385	
-	Chi HN, tập huấn CB Quỹ; học tập kinh nghiệm...	235,237		
-	Chi hỗ trợ hoạt động và phong trào nông dân các cấp (không vượt quá 10% tổng thu nhập của QHTND)	94,095		
-	Chi đối ngoại, tiếp khách	28,228		
-	Chi kiểm tra, kiểm soát	56,457		
-	Chi phí đi thu hồi nợ quá hạn	9,410		
-	Chi khen thưởng			
2	Trích lập quỹ DPRR	368,100	0,000	
-	Trích quỹ DPRR nguồn vốn NS tỉnh	356,850		
-	Trích quỹ DPRR nguồn tỉnh vận động	6,750		
-	Trích quỹ DPRR nguồn vốn bổ sung kết quả hoạt động	4,500		
3	Trích lập các quỹ	71,327	0,000	
-	Trích quỹ đầu tư phát triển	32,327		
-	Trích quỹ phúc lợi	13,000		
-	Trích quỹ khen thưởng	26,000		
4	Số thu còn lại	90,311	588,968	